

## Hạnh phúc trong quan niệm của một số tôn giáo

**Hồ Sĩ Quý**

Viện Thông tin Khoa học xã hội

**Tóm tắt:** Hạnh phúc là loại giá trị mà thế giới vật chất dù ở nền văn minh nào cũng chỉ cung cấp được một phần rất bé nhỏ so với những gì cao cả, thiêng liêng, nhân bản và vĩnh hằng mà thế giới tinh thần có thể đem lại cho con người. Và điều đáng nói hơn, khi tồn tại trong xã hội với tính cách là các giá trị định hướng đời sống, các giá trị tôn giáo đã trở thành cái quy định hành vi con người, đo đếm sự thành công hay thất bại, sự cao cả hay thấp hèn... của mỗi con người. Bài viết điếm qua những nét chính trong quan niệm hạnh phúc của một số tôn giáo lớn của nhân loại<sup>(1)</sup>.

**Từ khóa:** Hạnh phúc; Sự hài lòng; Tôn giáo.

Nếu hạnh phúc, ở những nét chung nhất, được quan niệm là trạng thái thỏa mãn của con người với điều kiện sống, với ý nghĩa cuộc sống và với mục đích sống của mình, thì cái mà con người nhận được trong hoạt động xã hội thường có khoảng cách rất xa so với kỳ vọng. Sự thiếu cân bằng, không tương dung, không đáp ứng được giữa mong muốn chủ quan và thực tế đời sống, dù khoa học hiện đại đo bằng thước đo nào, cũng đều cho ra kết quả là một đại lượng đầy thiếu hụt. Nghĩa là hạnh phúc thời nào cũng là thứ rất khan hiếm.

Nhưng "con người là một cây sậy biết tư duy" (L'homme n'est un roseau pensant- B. Pascal<sup>(2)</sup>). Sự vĩ đại của con người lại chính là ở khả năng nhận thức được sức mạnh vô biên và vị thế giới hạn của mình. Tôn giáo thực ra là sự sáng tạo ở tâm tinh tế như vậy. Tôn giáo góp phần đem lại cho con người sự đáp ứng về mặt tâm lý - tinh thần, cái mà con người chưa được đáp ứng hoặc không thể kiếm nổi nếu chỉ thuần túy dựa vào sức mạnh duy lý và khoa học. Con đường tìm kiếm hạnh phúc là sản phẩm giá trị nhất mà con người có thể nhận được nhiều hay ít từ các tôn giáo.

"Là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức" (Die Religion... ist das Opium des Volke - K. Marx<sup>(3)</sup>), tôn giáo dĩ nhiên mới chỉ cung cấp cho con người liều thuốc giảm đau, chứ không thể xóa hết nỗi đau có thực, cái mà các nhà phê phán vẫn gọi là hạnh phúc hư ảo. Nhưng nếu coi đời sống con người về cơ bản hay phần lớn là sống trong thế giới các giá trị chứ không phải chỉ sống trong thế giới các đồ vật thì tính chất hư ảo của hạnh phúc có thể cần phải suy ngẫm sâu hơn. Hạnh phúc là loại giá trị mà thế giới vật chất dù ở nền văn minh nào cũng chỉ cung cấp được một phần rất bé nhỏ so với những gì cao cả, thiêng liêng, nhân bản và vĩnh hằng mà thế giới tinh thần có thể đem lại cho con người. Và điều đáng nói hơn, khi tồn tại trong xã hội với tính cách là các giá trị định hướng đời sống, các giá trị tôn giáo đã trở thành cái quy định hành vi con người, đo đếm sự thành công hay thất bại, sự cao cả hay thấp hèn... của mỗi con người.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ mới điểm qua được những nét chính trong quan niệm hạnh phúc của một số tôn giáo lớn của nhân loại.

## 1. Hạnh phúc trong quan niệm Kitô giáo

1.1. Người hạnh phúc nhất trên đời là người tin rằng mình được Chúa yêu thương, được liên hệ với Chúa thường xuyên, suốt cả cuộc đời và trong mọi tình huống. Tư tưởng này được ghi trong nhiều văn bản kinh điển; được răn dạy, được thực hành, được thiêng liêng hóa do được trải nghiệm và được nhiều thế hệ các tu sỹ truyền thụ ở khắp các không gian Kitô giáo. Cách cảm nhận, thực hành ở mỗi cộng đồng đương nhiên khác nhau. Nhưng chính sự khác nhau đó đã tiếp thêm sức sống mãnh liệt cho cảm nhận được liên hệ với Chúa<sup>(4)</sup>.

Ngay cả sự xuất hiện của Kitô giáo cũng đã được giáo huấn là mang lại hạnh phúc cho con người. Thiên Chúa tạo nên con người, được quan niệm là để con người được hạnh phúc.

Theo quan niệm Kitô giáo, hạnh phúc không phải là cái mà con người đạt được, mà là cái đã sẵn có, do Chúa ban. Chỉ trong đời sống xã hội, hạnh phúc mới bị thất lạc, bị mai một, bị chôn vùi... khiến con người phải đi tìm lại nó. Hạnh phúc có sẵn do Chúa ban được quan niệm giống như

trạng thái hồn nhiên của trẻ thơ trong "Nước Chúa", trước khi bị phối pha đi bởi những ảnh hưởng văn hóa và xã hội<sup>(5)</sup>.

1.2. Các tu sỹ và trí thức Kitô giáo thường răn dạy, hạnh phúc là một trạng thái nằm trong chính tâm hồn của con người; cái mà con người đạt được bằng sở hữu hay mất đi bởi tai họa không nên và không thể coi là hạnh phúc. Hạnh phúc thuộc về một bình diện sâu sắc và thanh cao hơn của đời sống con người, là thuộc tính của chính tâm hồn con người. Khi con người cảm nhận sâu sắc về Chúa, về sự liên hệ với Chúa, tâm hồn được thanh lọc khỏi mọi tội lỗi. Khi ấy hạnh phúc thuộc về thế giới người. Đây rõ ràng là quan niệm đã ít nhiều được thế tục hóa và cũng là quan niệm thể hiện sự nhân văn sâu sắc của các chỉ dẫn thực hành Kitô giáo. Nói chung, giáo lý và niềm tin Kitô giáo không khuyến khích tâm lý sở hữu hay chiếm hữu thế giới xung quanh. Tất cả những giới luật đều là rào cản đạo đức để cảnh báo con người trước sự quá đà về ham muốn, thèm khát, tham lam, ảo tưởng... Sự lầm lạc hay xáo trộn trong tâm hồn, theo Kitô giáo, không cách nào mang lại hạnh phúc cho con người.

1.3. Trong đời sống xã hội, Kitô giáo khuyên dạy con người hành xử theo cách mang lại hạnh phúc cho người khác. Thực ra, các tôn giáo đều giống nhau ở điểm này. Tuy nhiên, điều sâu sắc ở Kitô giáo là ở chỗ, chính hành vi mang lại hạnh phúc cho tha nhân sẽ ban tặng cho con người niềm vui của phẩm chất vị tha, sự thanh cao của tâm hồn thanh sạch. Sức mạnh tinh thần lan tỏa từ bên trong tâm hồn, qua sự sẻ chia với người khác, chứ không phải là một thứ gì đó của kẻ khác từ bên ngoài đi vào - đó chính là hạnh phúc đích thực theo Kitô giáo. Từ lập trường của những tín hữu Kitô giáo, có thể hiểu được rằng, thật ra Kitô giáo không đến nỗi quá ảo tưởng hay tự lừa dối mình khi thừa nhận lòng vị kỷ chắc chắn là nguyên nhân của sự bất hạnh, cũng như hạnh phúc chắc chắn không thể có được khi người ta chiếm đoạt hạnh phúc của kẻ khác, chiếm đoạt cái không phải của mình. Lương tâm theo quan niệm Kitô giáo là phẩm chất được đặc biệt quý trọng.

1.4. Quan niệm sống phải yêu thương, hòa hợp, cởi mở với mọi người và với chính mình, phải biết lựa chọn một thái độ sống xuất phát từ điều mà Kitô giáo gọi là chân tâm giữa những ngổn ngang và phức tạp của đời sống xã hội đòi hỏi người hữu tín phải tu luyện. Đây là yêu cầu không đơn giản của Kitô giáo đối với mỗi người cả ở tư tưởng, thái độ đến hành vi và lối sống. Kitô giáo phủ nhận lối sống dễ dãi, buông thả. Hạnh phúc dù giản dị và tiềm ẩn ở mọi tín đồ nhưng nó vẫn là phẩm chất cao quý nên nó chỉ có thể xuất hiện ở những tín đồ thành tâm tu luyện. Đây là một yêu cầu khá cao của quan niệm Kitô giáo về hạnh phúc.

1.5. Vừa có màu sắc siêu nhiên nhưng lại cũng rất thực tế, Kitô giáo

khuyên con người chấp nhận khổ đau để tìm kiếm hạnh phúc. Hạnh phúc trong quan niệm của mọi tôn giáo đều không phải là tìm đến trạng thái không có khổ đau, hay thế gian này có chỗ không có khổ đau. Chính vì ngay từ đầu đã thừa nhận đời sống xã hội là đầy rẫy những điều xấu xa, bất hạnh nên tôn giáo nào cũng cố gắng tìm hạnh phúc cho con người trong chính cái trật tự khó chấp nhận ấy và Kitô hữu cần chủ động có thái độ với những cám dỗ trần thế. Các tín đồ Kitô giáo thường viện dẫn Thánh Phaolô về sự "trần ngập hân hoan giữa những cơn hoạn nạn" để hướng con người biết chế ngự khổ đau, cảm nhận được hạnh phúc của mình trong mối liên hệ thiêng liêng với Chúa.

1.6. Thực ra quan niệm chỉ có Chúa mới thực sự hiểu hạnh phúc đích thực, chỉ có Ngài mới có thể ban hạnh phúc và hạnh phúc đích thực bao giờ cũng là quà tặng của Thiên Chúa, là quan niệm khá trừu tượng và không phải mọi tín đồ Kitô giáo đều hiểu được. Tuy nhiên điều này không ngăn trở con người khát khao và mưu cầu hạnh phúc. Chúa mang đến sự thỏa mãn khát vọng hạnh phúc cho tâm hồn con người, trên thực tế điều đó có nghĩa rằng, nếu những ai vượt qua được cám dỗ của giàu sang và nghèo khó, nổi tiếng và vô danh, thành đạt và thất bại, ban thưởng và hy sinh... thì tâm hồn người đó sẽ đạt tới trạng thái thanh sạch thiêng liêng, giống như đang ở trong Nước Chúa. Và như vậy, có thể nói Chúa đã đem đến hạnh phúc, là hiện thân của hạnh phúc. Xét từ lý thuyết bảng giá trị xã hội thì điều này không hề ảo tưởng mà khá thực tế. Sự hy sinh, việc thực hiện trách nhiệm cá nhân, lòng vị tha với khát vọng đem đến hạnh phúc cho người khác... ở xã hội nào cũng được đánh giá cao, nằm ở thang bậc cao của bảng giá trị.

Tóm lại, trong quan niệm Kitô giáo dù người ta không tìm thấy một hệ thống lý thuyết hoàn chỉnh về hạnh phúc, nhưng với Cựu Ước và Tân Ước, ngoài những lời răn dạy về hạnh phúc thông qua những câu chuyện lịch sử Kitô giáo đầy sống động và thiêng liêng, hạnh phúc đã được thể hiện và xác định ở ba luận điểm: (1) Hạnh phúc vốn tiềm ẩn ngay trong tâm hồn con người; (2) Hạnh phúc không phụ thuộc vào sở hữu hay chiếm hữu; (3) Hạnh phúc đạt được ở những ai có đức tin, chú tâm tu luyện trong thực tế để làm thanh sạch tâm hồn. Bao trùm lên tất cả là "có liên hệ thường xuyên với Chúa", "được Chúa yêu thương".

## 2. Hạnh phúc trong quan niệm Phật giáo

2.1. Cũng tương tự như nhiều quan niệm lý thuyết khác, hạnh phúc theo quan niệm Phật giáo, về cơ bản có nguồn gốc kinh nghiệm, xuất hiện từ cảm giác (Sense Pleasures) và từ niềm vui về tinh thần (Mental Happiness). Trong đời sống con người, việc mưu cầu hạnh phúc là lẽ đương nhiên nên Phật giáo tự coi sứ mệnh của mình là xuất hiện để giúp

con người tìm thấy hạnh phúc. Toàn bộ quan điểm, quan niệm, thái độ và hành vi kiếm tìm hạnh phúc của con người, theo cách tiếp cận Phật giáo, gắn liền với lý thuyết về "Khổ đế" trong Tứ Diệu đế (Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế).

Tứ diệu đế là lý thuyết về quan hệ "Nhân - Duyên - Quả" trên cơ sở tiên đề (gần như chân lý tuyệt đối của Đạo Phật) - "Đời là bể khổ". Nguyên nhân cuối cùng khiến con người thấy đời là "bể khổ" chính là sự ham muốn (Tham Sân Si). Do đó muốn "thoát khổ" thì chỉ có cách là con người phải từ bỏ mọi tham, sân, si tức là từ bỏ mọi dục vọng. Con đường thoát khổ là Bát chính đạo, từ bỏ tham sân si bằng cách rèn luyện, tu luyện cả trong nhận thức, thái độ và hành vi.

2.2. *Khổ* (Dukkha) là một khái niệm quan trọng của Phật giáo, dùng để chỉ một trong ba tính chất cơ bản của sự vật, hiện tượng. Khổ không phải chỉ là những cảm thụ gây cảm xúc bất an, bất hạnh. Xuất phát từ Ngũ uẩn, khổ vốn có trong tất cả mọi hiện tượng vật chất và tâm thức, chịu sự tác động của quy luật về sự thay đổi và chuyển hóa. Ngay cả điều hạnh lạc, khi chiêm nghiệm sâu xa cũng chứa trong nó *sự khổ* vì ít nhất chẳng điều hạnh lạc nào không bị diệt vong hay hủy hoại. Chân lý Khổ đế được quan niệm gồm bốn sự khổ nguyên phát: *Sinh khổ, Lão khổ, Bệnh khổ, Tử khổ*. Các nỗi khổ thứ phát gồm *Ái biệt ly khổ, Oán tăng hội khổ, Sở cầu bất đắc khổ, Ngũ uẩn xí thanh khổ*. Khổ xuất phát từ ái (gồm cả tham, sân si) và con đường thoát khổ là Bát chính đạo.

*Sinh khổ* phản ánh mọi nỗi vất vả mà con người phải chịu đựng từ lúc còn là bào thai trong bụng mẹ, khi có mặt trên đời và cho tới lúc ra đi. Cuộc sống với tất cả mưu cầu từ bình thường đến cao cả hay thấp hèn đều được coi là khổ. *Lão khổ* là phản ánh cái khổ của già nua, tuổi tác, bệnh tật và sự bất lực cá nhân. *Bệnh khổ* và *Tử khổ* là sự phản ánh những chiêm nghiệm đời thường của bất kỳ ai, điều giản đơn về nhận thức nhưng có sức nặng về xúc cảm, tâm lý.

*Thụ biệt ly khổ* phản ánh nỗi khổ nhân bản hơn, nỗi khổ về tinh thần. Khái quát thành nỗi khổ phải biệt ly cái mà con người mến yêu, thân thiết - mà cao nhất là sinh ly, tử biệt - rõ ràng là một sự quy nạp rất sâu sắc của học thuyết Phật giáo trong so sánh với các học thuyết triết học nhân học khác. *Sở cầu bất đắc khổ* lại là triết lý về nỗi đau tinh thần của việc nhu cầu không được đáp ứng - nguyện ước, ham muốn, khát vọng... khi không được đáp ứng chắc chắn là nỗi đau đầy ám ảnh có trong kinh nghiệm của mỗi người. *Oán tăng hội khổ* - nỗi đau khổ khi con người phải chung sống với kẻ có oán thù, với điều đầy oán ghét - rõ ràng là điều mà Phật giáo đã đi trước chủ nghĩa Hiện sinh tới mấy ngàn năm. Mãi tới đầu thế kỷ XX những triết gia Hiện sinh chủ nghĩa mới thấu hiểu và đề ra những lý thuyết

về nỗi khổ này của con người.

2.3. *Ngũ uẩn khổ* là nỗi khổ đau của con người qua những xung đột của ngũ uẩn, năm loại uẩn khúc - *Sắc, Thụ, Tướng, Hành và Thức* - trong phận làm người. Nghĩa là, mơ ước, hy vọng, tưởng tượng (*Tướng*), dù thực hiện được hay không, cũng đều khổ, còn nếu quá ngưỡng đến mức hoang tưởng thì cực khổ. *Thức* (thức tỉnh, nhận thức, hiểu biết...) cũng không phải chỉ toàn đem lại cho con người niềm vui, sự thỏa mãn, mà kèm theo đó còn là sự "lao tâm khổ tứ". Hơn thế nữa, trong đời sống xã hội, đôi khi sự hiểu biết quá sâu sắc, vượt quá xa so với nhận thức đời thường thì ở thời nào cũng có những người phải chịu sự đố kỵ, thậm chí phải nhận hình phạt tàn khốc của thế quyền - sử sách xưa nay đã ghi lại không ít những bi thương như vậy.

Thực chất của quan điểm nhà Phật về hạnh phúc là phải vượt lên trên tất cả những điều gây đau khổ trên, nghĩa là phải từ bỏ tham sân si. Rủi bỏ được tham vọng, ham muốn, mưu cầu thì cái khổ sẽ bị loại bỏ. Thực ra Phật giáo và các tôn giáo khác nói chung đều không cực đoan đến mức khuyên con người giả vờ hay nhắm mắt trước khổ đau, mà là chế ngự, chấp nhận khổ đau. Chấp nhận, chế ngự, làm chủ được khổ đau là đã vượt lên trên khổ đau. Muốn làm được điều ấy, Phật giáo khuyên con người không chỉ suy ngẫm, nhận thức đơn thuần mà phải tu luyện - rèn luyện tu dưỡng cả về tâm tưởng và thể xác theo những phương thức của đạo Phật. *Bát chính đạo* là phương thức cơ bản của sự tu luyện như vậy.

2.4. *Bát chính đạo* là con đường tám nhánh để giải thoát khỏi Khổ (Con đường tám nhánh chứ không phải tám con đường). Theo quan niệm Phật giáo, đây là con đường độc đạo để giải thoát mang lại hạnh phúc cho kiếp người. *Bát chính đạo* gồm *Chính kiến, Chính tư duy, Chính ngữ, Chính nghiệp, Chính mạng, Chính tinh tấn, Chính niệm và Chính định*. Lý luận về 8 nhánh của con đường giải thoát này đôi khi được các tu sỹ Phật giáo giải thích khá phức tạp. Nhưng thực ra tính hợp lý của con đường mà giáo lý vạch ra cho con người cũng không đến nỗi quá khó trong tu luyện. Cái khó nằm ở chỗ khác, ở tính kiên trì và lòng tin vào sự tu luyện của con người. Mối quan hệ của tám nhánh trên con đường ấy, về đại thể, là mối quan hệ quy định lẫn nhau của các năng lực người. *Chính kiến, chính tư duy* - phẩm chất người cơ bản được tạo bởi năng lực tinh thần và trí tuệ sẽ tạo điều kiện cho con người có *chính ngữ, chính nghiệp và chính mạng*. Trong đời sống xã hội, các phẩm chất trí tuệ có được khi rèn luyện, học tập bài bản sẽ tạo cho con người các phẩm chất gắn với đạo đức, vị thế cá nhân - uy tín và vị thế trong phát ngôn, trong làm việc và trong đời sống là những phẩm chất tương đương với chính ngữ, chính nghiệp và chính mạng. Khi các phẩm chất gắn với đạo đức, vị thế cá nhân được khẳng định thì đương nhiên tư duy và hoạt động của con người sẽ có được các phẩm



chất *chính tinh tấn, chính niệm và chính định*. Chính tinh tấn về đại thể là sự mềm dẻo, tinh tường và có năng lực để nắm bắt bản chất của mọi đối tượng mà con người đang tư duy và hành động. *Chính niệm* thực chất là có một thể giới quan vững vàng. Còn *chính định* là luôn tìm ra phương pháp luận và phương thức, phương pháp hành động tối ưu, hợp lý. Những quan niệm này tương đối phức tạp về mặt lý thuyết, bởi vậy trong thực tế, sự giảng dạy truyền bá đôi khi có thể làm nảy sinh các cách hiểu, cách giải thích không giống nhau.

Tính chất nhân bản và thực tế của quan niệm Phật giáo về hạnh phúc là ở chỗ, tư tưởng Bát chính đạo giúp con người hiểu rằng, hạnh phúc hay toàn bộ số phận của con người không phải là thứ thiêng liêng nằm đâu đó ngoài con người, không phải là thứ may rủi ngẫu nhiên, cũng không phải là cái đã quy định sẵn kiểu tiền định, mà thuộc về sự tu luyện, sự cố gắng của chính con người. Điều này không phải suy diễn, mà chính giáo lý Phật giáo đã ghi lại trong nhiều văn bản. Người ta vẫn thường tranh cãi Phật giáo có phải là tôn giáo hay chỉ là một loại triết lý, cũng xuất phát từ những chỉ dẫn và cách giải thích lý thuyết tương tự.

2.5. Để có hạnh phúc thật sự, về hành vi thế tục, Phật giáo còn yêu cầu tín đồ và khuyên nhủ con người thực hiện "ngũ giới" - không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không dối trá và không nghiện ngập. Như vậy, triết lý về hạnh phúc của Phật giáo là cái đạt được qua thực hành Bát chính đạo và Ngũ giới.

Dĩ nhiên, quan niệm về hạnh phúc của Phật giáo là những chỉ dẫn không dễ thực hiện và đôi khi nó khá trái ngược với những cảm nhận thế tục của đời sống con người. Nhưng mấy nghìn năm nay, quan niệm này vẫn luôn cuốn hút được đông đảo tín đồ và cả những người không phải là tín hữu. Albert Einstein là một người như vậy. Ông không theo một tôn giáo nào nhưng khi nói về đạo Phật, ông đã khẳng định: "Phật giáo có những đặc điểm của những gì được mong đợi ở một tôn giáo tương lai là tôn giáo của vũ trụ. Nó vượt lên trên một đấng thiêng liêng cá nhân, tránh được những tín điều và quan niệm thần học; nó bao gồm cả cái thuộc về tự nhiên và tinh thần; và nó dựa trên một ý thức tôn giáo nảy sinh từ kinh nghiệm của tất cả mọi thứ, tự nhiên và tinh thần, như một thể thống nhất có ý nghĩa"<sup>(6)</sup>.

Nhận xét của Albert Einstein về Phật giáo rất đáng phải suy ngẫm khi bàn về hạnh phúc.

### 3. Hạnh phúc trong quan niệm Nho giáo

3.1. Nho giáo không có học thuyết riêng về hạnh phúc. Trong tư tưởng cổ đại Trung Hoa rất ít văn bản nói về hạnh phúc. "Phúc", "Hy" và "Lạc"

thì được nhắc tới nhiều hơn, nhưng các khái niệm Phúc, Hỷ hay Lạc trong tư tưởng triết học Trung Hoa cũng không hoàn toàn trùng với hạnh phúc.

Về đại thể, Phúc được hiểu là điều may mắn, tốt lành, thuận lợi... được mang đến cho con người. Nhưng thực ra quan niệm về Phúc của phương Đông tinh tế và hàm súc hơn. Phúc là kết quả của Nhân, Đức. Nhưng đồng thời Phúc cũng là thứ được "ban", thường chứ không phải là cái mà con người có thể giành được. Phúc và Đức là các giá trị luôn gắn liền nhau, có quan hệ tương hỗ, nhân quả.

Theo chúng tôi, hạnh phúc trong quan niệm hiện đại gần giống với sự tổng hòa của Phúc, Hỷ và Lạc trong quan niệm Nho giáo.

3.2. Nên lưu ý rằng, mặc dù các từ điển lớn đều coi Nho giáo là một trong những tôn giáo thế giới, nhưng gần như ít ai lại thừa nhận tính chất tôn giáo của học thuyết này. Trên thực tế, Nho giáo trước hết là một học thuyết chính trị - xã hội, không có màu sắc thần quyền. Hạnh phúc trong quan niệm của Nho giáo, do vậy, khác với Kitô giáo và Phật giáo, không thuần túy là những chỉ dẫn thần học cho hoạt động của con người trong đời sống xã hội.

Dĩ nhiên, với tính cách là một kiểu văn hóa tinh thần đã tồn tại hàng nghìn năm trong một số xã hội phương Đông, ảnh hưởng của Nho giáo đến việc con người truy tìm hạnh phúc, trên thực tế là lớn và rõ. Những phạm trù cơ bản của Khổng học như Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín; những nguyên tắc Nho giáo trong những quan hệ rường cột của xã hội như Quân - Thân, Phụ - Tử, Phu - Phụ; những chuẩn mực Nho giáo được coi là bền vững như Quân tử - Tiểu nhân; Tam tông, Tứ đức, v.v. luôn được xem là những nguyên tắc, những căn cứ rất cơ bản để con người tìm kiếm hạnh phúc và đánh giá hạnh phúc của mình.

3.3. Về phương diện chính trị, Nho giáo coi kẻ cầm quyền có vai trò như cha mẹ của dân. Hệ thống cầm quyền thực thi trách nhiệm không giống như quan niệm về quản lý trong xã hội hiện đại mà là cai trị dân chúng. Tuy vậy, với tư tưởng về Nhân, Đức và Phúc, Khổng Tử không ít lần khuyên tầng lớp cai trị phải hiểu được chữ Đức, phải làm cho dân được sống trong thanh bình, an lạc. Cõi phúc - một xã hội có hạnh phúc, trong quan niệm Khổng giáo là xã hội lý tưởng tương tự như xã hội thời Nghiêu Thuấn. Đó là nơi "Cận giả duyệt, viễn giả lai (Luận ngữ - người ở gần thì yên vui, còn kẻ ở xa thì tìm đến). Đó là xã hội có phúc, tương đương với hạnh phúc. Nơi đó, nhà cầm quyền dùng đức hạnh và lễ tiết để trị dân. Dân được cảm hóa bởi đức độ của nhà cầm quyền và ngày càng trở nên tốt lành. Khổng Tử chỉ ra rằng trị dân mà dùng chính trị, pháp chế, hình phạt, dân có thể không dám làm điều phạm pháp; nhưng trị dân mà dùng đức, dùng lễ, sẽ làm dân biết liêm sỉ, cảm hoá được dân (Đạo chi dĩ chính, tề



chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sĩ. Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sĩ thả cách).

3.4. Để có được Phúc, Nho giáo khuyên mọi người, kể cả dân và tầng lớp cai trị, trong cư xử với người khác, điều mình không muốn, đừng làm với người (Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân). Người có nhân đức, nếu muốn "lập, đạt" (gây dựng, thành đạt) cho mình thì cũng lo gây dựng, thành đạt cho người; cư xử với mình thế nào thì cũng xử với người như thế (Phù nhân giả kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân. Năng cận thủ thí, khả vị nhân chi phương dã dĩ). Những lời giáo huấn này xưa nay luôn được coi là tuyệt đối sáng suốt, có ý nghĩa chân lý đối với mọi thời đại. Gần đây, khi các xã hội công nghiệp hóa châu Á (NICs) thành công, những chỉ dẫn Nho giáo một lần nữa lại được ca ngợi rất nhiều.

3.5. Với tính cách là học thuyết chính trị - xã hội, bản thân các lý thuyết Nho giáo qua nhiều thế kỷ đã thâm nhập vào đời sống và biến thành văn hóa làm cơ sở cho các tầng lớp xã hội tìm kiếm hạnh phúc. Cả ở Trung Hoa và các xã hội Nho giáo ngoài Trung Hoa, đời sống xã hội phong phú, đa dạng và thăng trầm đã khiến văn hóa Nho giáo không nhất thiết phải trung thành với kinh điển Nho giáo. Ở Việt Nam cũng như ở Nhật Bản hay Hàn Quốc, các nhà Nho giải thích Nho giáo theo thế giới quan và nhân sinh quan của mình, còn tầng lớp bị trị thì hiểu và thực hành Nho giáo theo nhãn quan của ý thức thông thường. Và ở đây, quan niệm về hạnh phúc theo quan điểm Nho giáo xuất hiện nhiều sắc thái và cung bậc rất có ý nghĩa.

Trong văn hóa Việt Nam, với xu hướng lan tỏa từ thế giới quan Nho giáo, quan niệm về hạnh phúc đã từ lâu tồn tại những đúc kết mà ngày nay, ai cũng cảm thấy rất gần với chân lý: Trong họa có phúc; họa phúc có liên quan mật thiết với nhau; hết họa là đến phúc, tận cùng của đau khổ sẽ là niềm vui; họa không đi một mình, phúc chẳng bao giờ lập lại, v.v. ("Họa trung hữu phúc", "Họa phúc hữu môi", "Họa tận phúc đáo", "Khổ tận cam lai", "Họa vô đơn chí, phúc bất trùng lai"... ) là những quan niệm như vậy.

Thật sự đây là những quan niệm khá biện chứng, vì phản ánh được sự vận động của những xu hướng xã hội đã gần như thành quy luật về hạnh phúc làm người.

3.6. "Họa trung hữu phúc", "Họa phúc hữu môi" là lời cảnh tỉnh về thái độ đối với họa và phúc. Trong họa có thể có phúc và ngược lại trong phúc có thể có họa. Phúc chưa chắc đã phải là sự thắng thế tuyệt đối, chưa chắc đã khiến con người không rơi vào họa. Và ngược lại, họa cũng chưa chắc đã phải là điểm kết thúc của những tình huống bất hạnh, nếu con người lãng quên liên hệ hữu môi tinh tế có thể là nhân quả của nhau. Kinh nghiệm sống của các thế hệ đi trước trải qua những xã hội đầy thiên tai, nhân họa đã đưa ra những lời cảnh báo đầy giá trị đối với các thế hệ sau:

Nên sẵn sàng đón nhận, phúc chỉ đến có một lần, nhưng họa lại "vô đơn chí".

3.7. Về họa phúc nói chung và về họa phúc gắn liền với số mệnh của con người và của dân tộc Việt Nam thì trong lịch sử có lẽ không áng văn chương nào có thể sánh được với "Quan hải" của Nguyễn Trãi.

Năm 1406 nhà Minh xâm lược Việt Nam, triều Hồ dù có thành cao, hào sâu, quân nhiều, lương đủ nhưng "lòng dân không yên" nên chống không nổi ("Nhân họ Hồ chính sự phiền hà. Để trong nước lòng dân oán hận". Nguyễn Trãi. Đại cáo Bình Ngô). Hai mươi năm đô hộ vào loại tàn khốc nhất của nhà Minh đối với Việt Nam đã xảy ra.

Năm 1407, Nguyễn Phi Khanh bị giặc bắt, đem về Trung Quốc. Nguyễn Trãi vì chữ hiếu đã theo chân cha đến tận ải Nam Quan. Khi nghe lời cha phải trở về chống giặc ngoại xâm vì "Đại hiếu" chứ không chỉ vì "chữ hiếu tầm thường" - theo cha chia sẻ cuộc sống tù đầy, Nguyễn Trãi đã khóc vâng mệnh cha mà quay lại. Ngang qua cửa Bạch Đằng, nơi xưa kia ông cha đã ba lần đại thắng quân xâm lược phương Bắc<sup>(7)</sup>, Nguyễn Trãi viết bài "Quan hải", suy ngẫm về số phận hưng vong của dân tộc, về phúc họa của Hồ Quý Ly. Câu thơ "Lật thuyền mới biết dân như nước" là ở trong bài này. Qua nhiều thế kỷ, bài thơ đã được đánh giá là một kiệt tác cả về tư tưởng, chí khí và nghệ thuật văn chương<sup>(8)</sup>.

Liên quan đến phúc họa được nói trong bài Quan hải là câu thơ Nguyễn Trãi bình về số phận của Hồ Quý Ly. "Họa phúc hữu môi phi nhất nhật. Anh hùng di hận kỷ thiên niên" (Nghĩa là, "chuyện họa phúc không phải là chuyện của một ngày; nỗi hận của người anh hùng còn mãi đến nghìn năm sau"). Khó có thể nói gì thêm về triết lý sâu sắc và đau đớn của mối quan hệ phúc - họa mà Nguyễn Trãi đã viết nhân trường hợp Hồ Quý Ly.

Ngày nay, đọc lại câu thơ thống thiết của ông, soi vào tình huống hiện thời của đất nước, không thể không nhận ra câu thơ vẫn có tính thời sự như gần 700 năm trước.

#### 4. Kết luận

Cho đến hôm nay, tôn giáo vẫn là một sản phẩm tất nhiên của xã hội loài người. Sứ mệnh lớn lao mà các tôn giáo tự nhận và về cơ bản cũng đã được thừa nhận, là chỉ ra cho con người con đường tìm kiếm hạnh phúc. Và quả thực, mấy nghìn năm qua tôn giáo đã có ý nghĩa không nhỏ trong việc thực hiện sứ mệnh này, dù hạnh phúc mà tôn giáo mang lại vẫn thường xuyên bị chỉ trích là hạnh phúc hư ảo. ■

### Chú thích

<sup>(1)</sup> Bài viết trong khuôn khổ đề tài khoa học độc lập cấp Quốc gia Hạnh phúc của người Việt Nam: Quan niệm, thực trạng và chỉ số đánh giá" (mã số ĐTĐL.XH-03/15).

<sup>(2)</sup> Pascal: L'homme est un roseau pensant. <http://la-philosophie.com/homme-roseau-pensant>.

<sup>(3)</sup> K. Marx, F. Engels. 2004. Toàn tập, t.1. Sđd. tr. 570.

<sup>(4)</sup> Xem: Aubert, Jean-Marie (1992). La Morale. Pub. Editions Paulines. (ISBN-13: 978-2227301566). <http://ni-ka.com.ua/index.php?Lev=schastye>

<sup>(5)</sup> Còn được gọi là "Nước Trời". Trong Kinh Thánh, Nước Chúa được hiểu như một thiết chế chính phủ hoàn thiện và tốt đẹp do Chúa thiết lập.

<sup>(6)</sup> Was Einstein a Buddhist? <https://responsiveuniverse.me/2014/01/18/was-einstein-a-buddhist/>

<sup>(7)</sup> Trên sông Bạch Đằng, năm 938, Ngô Quyền đại thắng quân Nam Hán, năm 981, Lê Đại Hành phá tan quân Tống xâm lược; năm 1288, Hưng đạo vương Trần Quốc Tuấn đại thắng Nguyên Mông trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ 3.

<sup>(8)</sup> Quan hải

Thung mọc trùng trùng hải lãng tiên,  
Trâm giang thiết to diệc đồ nhiên.  
Phúc chu thủy tín dân do thủy,  
Thị hiểm nan bằng mệnh tại thiên.  
Hoạ phúc hữu môi phi nhất nhật,  
Anh hùng di hận kỉ thiên niên.  
Kiên khôn kim cổ vô cùng y,  
Khước tại Thương Lang viễn thụ yên.

Quan hải

Cọc gỗ trùng trùng trước sóng khơi,  
Ngang sông khoá sắt uống mà thôi.  
Lật thuyền mới biết dân là nước,  
Cậy hiểm khôn xoay mệnh tại trời.  
Hoạ phúc có nguồn đâu một buổi,  
Anh hùng để hận mấy nghìn đời.  
Cần khôn nay trước vô cùng ý,  
Lại ở khơi xa cây khối vôi.

### Tài liệu trích dẫn

Aubert Jean-Marie. 1992. La Morale. Pub. Editions Paulines. (ISBN-13: 978-2227301566).

Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên). 1998. Những vấn đề lí luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam. Nxb. KHXH. Hà Nội.

Đạt Lai Lạt Ma và Howard Cuter. 2003. Nghệ thuật tạo Hạnh phúc (The Art of Happiness). Chùa Tam Bo, Fresno, California.

K. Marx & F. Engels. 2004. Toàn tập, t. 1. Nxb. CTQG. Hà Nội.

K. Marx & F. Engels. 1994. Toàn tập, t. 20. Nxb. CTQG, Hà Nội.

Prinsloo Johan. 2013. Department of Criminology & Security Science, UNISA) "Happiness is the meaning and purpose of life": an analysis of offenders suffering from mental disorders in a South African prison population". Phronimon, Volume 14 (1).